



CHỨNG KHOÁN

ALPHA

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG NGÀY 27/03/2026

# Nhịp hồi hực hơi...

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư  
Research & Proprietary trading

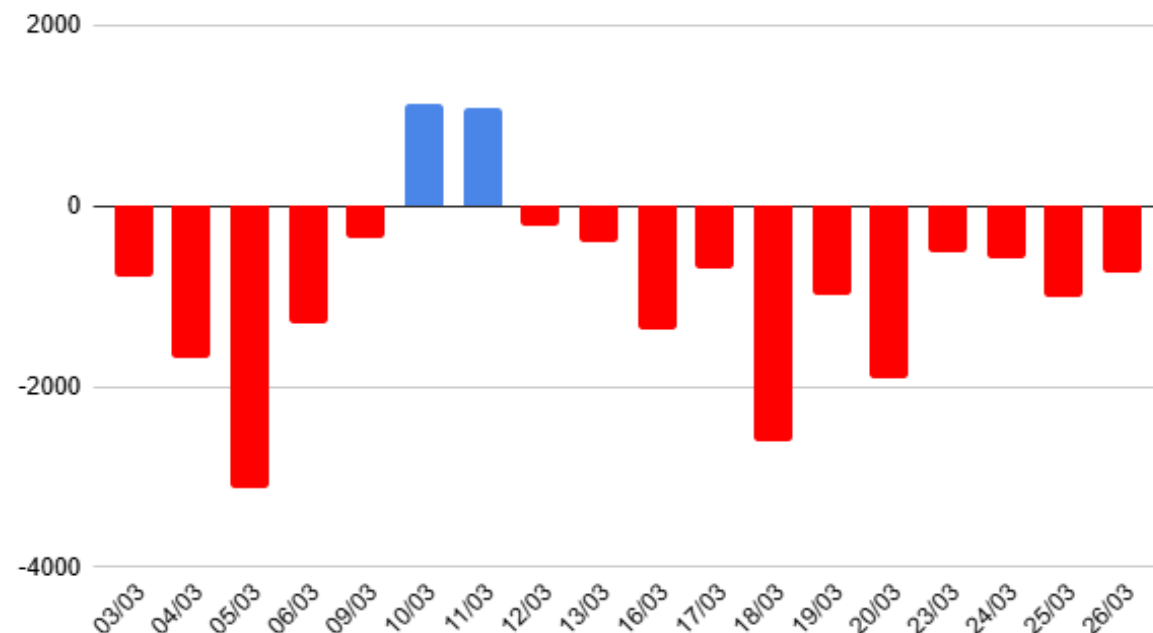




## Đồ thị kỹ thuật VN-Index



## Giao dịch khối ngoại



## Xu hướng dòng tiền

- Thị trường chứng khoán ngày 26/03 ghi nhận diễn biến rung lắc và điều chỉnh sau hai phiên tăng mạnh trước đó, trong bối cảnh thanh khoản suy giảm và tâm lý thận trọng quay trở lại. VN-Index chịu áp lực bán ngay từ đầu phiên, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn khiến chỉ số duy trì sắc đỏ trong phần lớn thời gian giao dịch. Dù lực cầu bắt đáy xuất hiện về cuối phiên giúp thu hẹp đà giảm, VN-Index vẫn đóng cửa giảm **13,56** điểm **(-0,82%)** về **1.644,63** điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về tiêu cực với 123 mã tăng so với 207 mã giảm.
- Điểm nhấn trong phiên** đến từ nhóm phân bón và viễn thông duy trì đà tăng mạnh với DCM, DPM, BFC tăng 5-7%, VGI bứt phá hơn 11%, trong khi FOX, CTR tích cực.
- Sắc xanh duy trì tại** nhóm Cảng & Vận tải biển, Dệt may, Xây dựng: PVT, GMD, HAH, TNG, MSH, TCM, PC1, CII, CTD đều tăng tích cực. Nhóm Bất động sản tăng giá tại số ít VIC tăng 1%, NVL tăng 2,9%, SJS, PDR nhích nhẹ; trong khi giảm giá trở lại tại VHM giảm 3%, VRE giảm 3%, NLG, TCH, KDH, HDG, DXG giảm 1-4%.
- Nhóm Ngân hàng** có SHB, NAB, VAB tăng điểm còn giảm diện rộng tại STB, TCB, HDB, ACB, MBB, VCB. Tương tự, nhóm Chứng khoán chỉ có VCI, HCM tăng 2-3% còn VPX -4,3%, SSI, VCK, VIX, VCK, TCX giảm hơn 1%.
- Chiềm giảm điểm** quay lại nhóm CNTT, Thực phẩm đồ uống, Dầu khí, Thép-Tôn mạ: loạt đại diện FPT, MCH, MSN, BSR, PLX, PVD, HPG, HSG giảm điểm.
- Đánh giá:** Thị trường đang bước vào trạng thái tích lũy với biên độ hẹp quanh vùng MA200 sau nhịp hồi phục ngắn, phản ánh sự giằng co giữa bên mua và bên bán.....

## Phân tích kỹ thuật

- VN-Index giảm với nền đỏ khi gặp kháng cự MA200, cho thấy áp lực bán gia tăng và lực cầu chưa đủ mạnh để bứt phá. Chỉ số duy trì dưới các đường MA quan trọng, xu hướng ngắn hạn chưa tích cực. MACD histogram thu hẹp đà âm, hàm ý động lượng giảm đang chậm lại. Tuy nhiên, RSI có xu hướng quay đầu đi xuống, cho thấy lực cầu suy yếu và rủi ro điều chỉnh vẫn hiện hữu trong các phiên tới.
- Kịch bản 1 (40%)** VN-Index tiếp tục hồi phục lên vùng 1.660-1.680 và rung lắc trong quá trình tăng.
- Kịch bản 2 (60%)** VN-Index điều chỉnh kiểm định lại vùng hỗ trợ 1.600 - 1.620 (Mức tâm lý).

## Chiến lược giao dịch

- Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức TRUNG BÌNH – THẤP và ưu tiên quản trị rủi ro trong bối cảnh thị trường đang giằng co tích lũy với thanh khoản suy giảm và xu hướng ngắn hạn chưa thực sự rõ ràng.
- MUA Có thể giải ngân từng phần** trong các nhịp điều chỉnh hoặc rung lắc, ưu tiên các nhóm như ngân hàng quốc doanh, chứng khoán, bất động sản, hoặc phòng thủ như điện – năng lượng, bảo hiểm, đầu tư công. Ưu tiên các cổ phiếu có nền tích lũy chặt. Tránh mua đuổi các mã đã tăng trần hoặc tăng mạnh nhiều phiên.
- BÁN Tiếp tục chốt lời từng phần** với các cổ phiếu đã đạt mục tiêu hoặc có dấu hiệu suy yếu. Cơ cấu giảm tỷ trọng ở những mã tăng nóng, cổ phiếu yếu hơn thị trường hoặc chịu áp lực bán ròng mạnh từ khối ngoại.....



## Thông tin cổ phiếu

|                                 |               |
|---------------------------------|---------------|
| • Giá ngày 26/03/2026           | 25.80         |
| • <b>Vùng mua/bán tiềm năng</b> | <b>24-25</b>  |
| • <b>Giá chốt lời</b>           | <b>27-28</b>  |
| • <b>Giá cắt lỗ</b>             | <b>23</b>     |
| • Vốn hóa (tỷ đồng)             | 207,819.00    |
| • SLCP lưu hành (cp)            | 8,054,999,909 |
| • KLGD BQ 10 phiên              | 15,485,130    |
| • Giá sổ sách                   | 16.90         |
| • EPS hiện tại                  | 3.32          |
| • P/E                           | 7.76          |

## Diễn biến giá cổ phiếu



## Luận điểm đầu tư

### Tăng trưởng tín dụng kỷ lục tạo nền tảng mở rộng lợi nhuận bền vững.

- MBB ghi nhận mức tăng trưởng tín dụng tại ngân hàng mẹ đạt 37,6% tính đến cuối năm 2025, cao nhất kể từ năm 2011 và dẫn đầu toàn ngành. Riêng trong quý 4/2025, quy mô tín dụng tăng thêm khoảng 148 nghìn tỷ đồng, tương đương tổng mức tăng của 9 tháng đầu năm cộng lại. Tín dụng cá nhân và doanh nghiệp đều tăng trưởng mạnh trong quý, lần lượt tăng 15% QoQ và 17% QoQ, đưa tốc độ tăng trưởng cả năm của hai mảng này lên khoảng 39%. Quy mô dư nợ ngân hàng mẹ vượt mốc 1,05 triệu tỷ đồng, tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng thu nhập lãi trong các năm tới. Với kế hoạch tăng trưởng tín dụng khoảng 30% trong năm 2026, MBB tiếp tục sở hữu dư địa mở rộng quy mô vượt trội.

### NIM duy trì ổn định nhờ CASA cao và cân bằng tốt giữa tín dụng - huy động.

- Trong quý 4/2025, biên lãi ròng (NIM) hợp nhất của MBB đạt 4,06%, đi ngang so với quý 3 dù chi phí vốn tăng khoảng 30 điểm cơ bản. Riêng trong quý cuối năm, huy động của ngân hàng mẹ tăng khoảng 16% QoQ, tương đồng với tốc độ tăng trưởng tín dụng, giúp tỷ lệ LDR giảm về khoảng 82% từ mức 85% cuối quý 3/2025. Đáng chú ý, tỷ lệ CASA toàn ngân hàng tăng thêm 80 điểm cơ bản, lên mức 37,8%, bất chấp môi trường lãi suất huy động có xu hướng tăng. Việc kiểm soát tốt cấu trúc nguồn vốn giúp MBB duy trì hiệu quả sinh lời ổn định ngay cả khi quy mô tín dụng tăng mạnh.

### Chất lượng tài sản cải thiện và thu nhập ngoài lãi bứt phá giúp lợi nhuận tăng tốc.

- Chất lượng tài sản của MBB cải thiện rõ rệt trong quý 4/2025 với quy mô nợ xấu trước xử lý rủi ro giảm khoảng 550 tỷ đồng và nợ xấu hình thành ròng tại ngân hàng mẹ âm khoảng 1,8 nghìn tỷ đồng. Dư nợ nhóm 2 giảm mạnh 29% QoQ, kéo tỷ lệ nợ xấu ngân hàng mẹ và hợp nhất giảm 60 điểm cơ bản, xuống lần lượt 1,13% và 1,29%. Nhờ đó, chi phí trích lập dự phòng trong quý chỉ còn 2,2 nghìn tỷ đồng, giảm 33% YoY và 43% QoQ. Song song, thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh với thu nhập dịch vụ đạt 2,1 nghìn tỷ đồng (+78% YoY), dịch vụ thanh toán tăng gấp khoảng 3,5 lần cùng kỳ và thu hồi nợ xấu đã xử lý rủi ro đạt hơn 1,2 nghìn tỷ đồng (+77% YoY). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) tại ngân hàng mẹ cải thiện lên 100%, mức cao nhất kể từ năm 2023, qua đó tạo dư địa lợi nhuận bền vững cho các năm tới.

**Kết quả kinh doanh.** TOI năm 2025 đạt 67.700 tỷ đồng (+22% YoY), LNTT đạt 34.300 tỷ đồng (+19yoy).

**Phân tích kỹ thuật.** Cổ phiếu MBB đang nằm gần hỗ trợ đường MA200 đi kèm MACD histogram tích cực.



| STT | Ngày cập nhật | Mã cổ phiếu | Khuyến nghị | Ngành       | Vùng mua/bán | Giá chốt lời | Giá cắt lỗ | Lợi nhuận kỳ vọng |
|-----|---------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|------------|-------------------|
| 1   | 27/02/2026    | PC1         | CHỜ MUA     | Xây lắp     | 26-27        | 31-32        | 24         | 19.2%             |
| 2   | 02/03/2026    | HHV         | TRUNG LẬP   | Đầu tư công | 11-12        | 13-14        | 10         | 18.2%             |
| 3   | 03/03/2026    | HAH         | CANH MUA    | Cảng biển   | 66-69        | 80-85        | 60         | 21.2%             |
| 4   | 04/03/2026    | TV2         | CHỜ MUA     | Xây lắp     | 39-41        | 48-50        | 36         | 23%               |
| 5   | 05/03/2026    | SSI         | CANH MUA    | Chứng khoán | 33-34        | 38-40        | 30         | 15%               |
| 6   | 06/03/2026    | DHG         | TRUNG LẬP   | Dược phẩm   | 90-95        | 105-110      | 85         | 16.7%             |
| 7   | 09/03/2026    | DGW         | CHỜ MUA     | Bán lẻ      | 40-43        | 48-50        | 37         | 20%               |
| 8   | 10/03/2026    | DGC         | TRUNG LẬP   | Hóa chất    | 68-70        | 80-85        | 64         | 17.6%             |
| 9   | 11/03/2026    | REE         | TRUNG LẬP   | Cơ điện     | 52-55        | 58-60        | 48         | 11.5%             |
| 10  | 12/03/2026    | GVR         | CHỜ MUA     | Cao su      | 30-32        | 38-40        | 28         | 26.7%             |
| 11  | 13/03/2026    | PVS         | CHỜ MUA     | Dầu khí     | 40-42        | 54-56        | 36         | 35%               |
| 12  | 16/03/2026    | MWG         | CHỜ MUA     | Bán lẻ      | 76-78        | 88-90        | 70         | 15.8%             |
| 13  | 17/03/2026    | VCB         | CHỜ MUA     | Ngân hàng   | 56-58        | 68-70        | 52         | 21.4%             |
| 14  | 18/03/2026    | FRT         | CHỜ MUA     | Bán lẻ      | 145-150      | 160-165      | 138        | 10.34%            |
| 15  | 19/03/2026    | LPB         | CHỜ MUA     | Ngân hàng   | 40-42        | 48-50        | 38         | 20%               |
| 16  | 20/03/2026    | GEG         | CHỜ MUA     | Ngành điện  | 15-16        | 18-19        | 14         | 20%               |
| 17  | 23/03/2026    | HDG         | CHỜ MUA     | Ngành điện  | 27-28        | 30-31        | 25         | 11%               |
| 18  | 24/03/2026    | BVH         | CHỜ MUA     | Bảo hiểm    | 68-70        | 80-85        | 64         | 17.6%             |
| 19  | 25/03/2026    | FPT         | CANH MUA    | Công nghệ   | 73-77        | 90-92        | 67         | 23%               |
| 20  | 26/03/2026    | BID         | CANH MUA    | Ngân hàng   | 39-40        | 45-46        | 36         | 15.4%             |
| 21  | 27/03/2026    | MBB         | TRUNG LẬP   | Ngân hàng   | 24-25        | 27-28        | 23         | 12.5%             |



Danh mục mở mới

| STT | Ngày mua | Mã Cổ phiếu | Vùng mua | Giá hiện tại | Giá chốt lời | Giá cắt lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|----------|-------------|----------|--------------|--------------|------------|------------------------|
|-----|----------|-------------|----------|--------------|--------------|------------|------------------------|

Danh mục đang nắm giữ

| STT | Ngày mua   | Mã cổ phiếu | Giá mua | Giá chốt lời | Giá cắt lỗ | Giá hiện tại | Tỷ trọng | Lãi/lỗ  |
|-----|------------|-------------|---------|--------------|------------|--------------|----------|---------|
| 1   | 19/12/2025 | VNP         | 21.5    | 29-30        | 18.1       | 20.8         | 20%      | -3.26%  |
| 2   | 24/12/2025 | ACV         | 50.5    | 54-55        | 44         | 45.3         | 20%      | -10.30% |
| 3   | 07/01/2026 | VDS         | 16.4    | 19 -20       | 14.8       | 13.95        | 10%      | -14.94% |
| 4   | 07/01/2026 | VNB         | 17.3    | 20 - 21      | 14.7       | 14.6         | 10%      | -15.61% |

Danh mục đã chốt

| STT | Ngày mua   | Mã cổ phiếu | Giá mua | Giá chốt lời | Giá cắt lỗ | Giá chốt | Ngày chốt  | Lãi/lỗ  |
|-----|------------|-------------|---------|--------------|------------|----------|------------|---------|
| 1   | 21/04/2025 | HAG         | 12      | 14           | 10.8       | 13.7     | 13/05/2025 | 14.17%  |
| 2   | 08/05/2025 | TV2         | 33.2    | 36-38        | 30         | 40       | 19/05/2025 | 17.17%  |
| 3   | 09/07/2025 | VJC         | 94      | 104-108      | 85         | 127.5    | 28/07/2025 | 35.64%  |
| 4   | 09/05/2025 | VCB         | 56.6    | 62-65        | 54         | 62.5     | 08/08/2025 | 10.42%  |
| 5   | 08/07/2025 | DCM         | 33.7    | 37-39        | 32         | 39.4     | 08/08/2025 | 16.91%  |
| 6   | 04/09/2025 | NKG         | 17      | 18-21        | 15         | 20.2     | 12/09/2025 | 18.82%  |
| 7   | 30/09/2025 | AGR         | 17.1    | 19-20        | 15.3       | 18.2     | 07/10/2025 | 6.43%   |
| 8   | 12/11/2025 | VCI         | 36.5    | 44-45        | 33         | 33       | 12/12/2025 | -9.59%  |
| 9   | 20/08/2025 | BCM         | 69      | 82-85        | 62.1       | 62.1     | 18/12/2025 | -10.00% |
| 10  | 22/10/2025 | CTR         | 84.9    | 105-110      | 76         | 97.5     | 25/02/2026 | 14.84%  |
| 11  | 22/10/2025 | FPT         | 95      | 108-110      | 85         | 92       | 25/02/2026 | -3.16%  |
| 12  | 26/02/2026 | TPB         | 18.35   | 20-21        | 16.5       | 16.5     | 09/03/2026 | -10.08% |



Thị trường thế giới

- **Dow Jones giảm hơn 450 điểm khi hoài nghi về đàm phán Mỹ-Iran gia tăng.** Khép phiên ngày 26/03, chỉ số S&P 500 giảm 1.74% xuống 6,477.16 điểm, trong khi Nasdaq Composite mất 2.38% còn 21,408.08 điểm - (giảm hơn 10% so với đỉnh). Dow Jones giảm 469.38 điểm, tương đương 1.01%, xuống 45,960.11 điểm.
- **Nhu cầu vay mua nhà tại Mỹ giảm mạnh khi lãi suất tăng cao.** Nhu cầu vay mua nhà tại Hoa Kỳ đang suy giảm rõ rệt trong đầu năm 2026 khi lãi suất tăng trở lại, đẩy chi phí vay vốn lên cao. Lãi suất thế chấp 30 năm đã lên khoảng 6,2%, khiến khả năng chi trả của người mua nhà bị thu hẹp đáng kể. Hệ quả là số đơn xin vay mua nhà giảm mạnh, phản ánh tâm lý thận trọng của người dân. Diễn biến này cho thấy thị trường bất động sản Mỹ đang chịu áp lực rõ rệt từ môi trường lãi suất cao và có thể tiếp tục suy yếu trong ngắn hạn.

Thị trường trong nước

- **Quốc hội sẽ bầu Chủ tịch nước, Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội khóa mới tại Kỳ họp thứ nhất.** Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội Việt Nam khóa XVI dự kiến diễn ra từ đầu tháng 4/2026, với trọng tâm là kiện toàn bộ máy lãnh đạo cấp cao cho nhiệm kỳ mới. Tại kỳ họp, Quốc hội sẽ bầu các chức danh chủ chốt như Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Quốc hội. Bên cạnh đó, nhiều nội dung quan trọng về kinh tế - xã hội, ngân sách và lập pháp cũng sẽ được xem xét, thông qua. Sự kiện này đóng vai trò nền tảng trong việc đảm bảo tính ổn định và liên tục của bộ máy điều hành.
- **Ngân hàng đưa tăng lãi suất, có nơi lên đến 9%/năm.** Làn sóng tăng lãi suất huy động đang quay trở lại trong hệ thống ngân hàng vào cuối tháng 3/2026, với nhiều nhà băng đồng loạt điều chỉnh tăng, đặc biệt ở các kỳ hạn trung và dài. Mặt bằng lãi suất phổ biến hiện dao động quanh 6-7,5%/năm, trong khi một số mức cao tới 8-9%/năm nhưng áp dụng kèm điều kiện đặc biệt. Diễn biến này phản ánh áp lực huy động vốn và thanh khoản gia tăng trong hệ thống. Đồng thời, xu hướng lãi suất tăng có thể thúc đẩy dòng tiền quay lại kênh tiền gửi trong ngắn hạn.

Thị trường hàng hóa

- **Vàng thế giới giảm mạnh xuống dưới mốc 4,400 USD.** Giá vàng giảm trong ngày 26/03, khi đồng USD mạnh lên và giá dầu tăng, khiến lo ngại lạm phát duy trì cao và kỳ vọng lãi suất ở mức cao kéo dài. Giá vàng giao ngay giảm 2.7% xuống 4,384.38 USD/oz. Hợp đồng vàng kỳ hạn tháng 4 tại Mỹ giảm 3.9% xuống 4,376.3 USD/oz. Đồng USD tăng nhẹ, khiến vàng - vốn định giá bằng đồng USD - trở nên đắt đỏ hơn đối với nhà đầu tư nắm giữ các đồng tiền khác. Tính từ khi chiến sự Mỹ - Israel với Iran bùng phát ngày 28/02, giá vàng đã giảm khoảng 17%. Trên thị trường kim loại quý khác, bạc giảm 5% xuống 67.71 USD/oz, bạch kim giảm 4.2% xuống 1,839.67 USD/oz và palladium giảm 5% xuống 1,352.82 USD/oz.



|  |                  |           |                  |  |
|--|------------------|-----------|------------------|--|
|  | Dow 30           | 45,960.11 | -469.38 / -1.01% |  |
|  | Dow 30 Futures   | 46,067.90 | +108.50 / +0.24% |  |
|  | Nasdaq Futures   | 23,623.00 | +36.00 / +0.15%  |  |
|  | S&P 500 Futures  | 6,491.80  | +14.70 / +0.23%  |  |
|  | Nikkei 225       | 52,630.00 | -973.65 / -1.82% |  |
|  | Shanghai         | 3,889.08  | -42.75 / -1.09%  |  |
|  | Hang Seng        | 24,856.43 | -479.52 / -1.89% |  |
|  | KOSPI            | 5,224.47  | -235.99 / -4.32% |  |
|  | FTSE 100         | 9,972.17  | -134.67 / -1.33% |  |
|  | FTSE 100 Futures | 9,957.80  | -6.70 / -0.07%   |  |



|               |          |                  |
|---------------|----------|------------------|
| XAU/USD       | 4,385.50 | +6.69 / +0.15%   |
| Gold          | 4,412.59 | +3.59 / +0.05%   |
| Copper        | 5.4773   | +0.0070 / +0.13% |
| Brent Oil     | 101.38   | +0.06 / +0.06%   |
| London Sugar  | 459.60   | +5.60 / +1.23%   |
| Silver        | 67.778   | -0.156 / -0.23%  |
| Crude Oil WTI | 94.040   | -0.440 / -0.47%  |
| Platinum      | 1,814.45 | +1.15 / +0.06%   |
| London Coffee | 3,522.00 | -107.00 / -2.95% |
| US Wheat      | 606.60   | +1.35 / +0.22%   |
| US Corn       | 467.13   | +0.88 / +0.19%   |



KBC: Kinh Bắc mang 'đất vàng' Láng Hạ đi thế chấp ngân hàng

- KBC quyết định dùng tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại dự án trung tâm thương mại và văn phòng 1A-1D Láng Hạ (Hà Nội) làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ vay tại ngân hàng. Trước đó, doanh nghiệp cũng thế chấp chính dự án này cùng cổ phần tại các công ty con để bảo đảm khoản vay 1.300 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB), đáo hạn năm 2028. Sau khi thu tóm các pháp nhân liên quan, KBC gián tiếp kiểm soát chủ đầu tư dự án và ghi nhận khoản lãi lớn từ mua rẻ, trong khi chi phí xây dựng dở dang tại dự án lên hơn 3.500 tỷ đồng.

TNG: Dệt may TNG kỳ vọng doanh thu 9.500 tỷ đồng, duy trì cổ tức tiền mặt

- TNG đặt mục tiêu năm 2026 đạt doanh thu 9.500 tỷ đồng (+26%) và lợi nhuận sau thuế 450 tỷ đồng (+15%), mức cao nhất từ trước đến nay. Doanh nghiệp tiếp tục duy trì cổ tức tiền mặt dự kiến 16-20%, nối dài chuỗi chi trả ổn định nhiều năm. Chiến lược trọng tâm gồm mở rộng nhà máy may xuất khẩu, đầu tư tự động hóa và đẩy nhanh lấp đầy KCN Sơn Cầm 1, đồng thời nghiên cứu đa dạng sang hạ tầng và năng lượng.

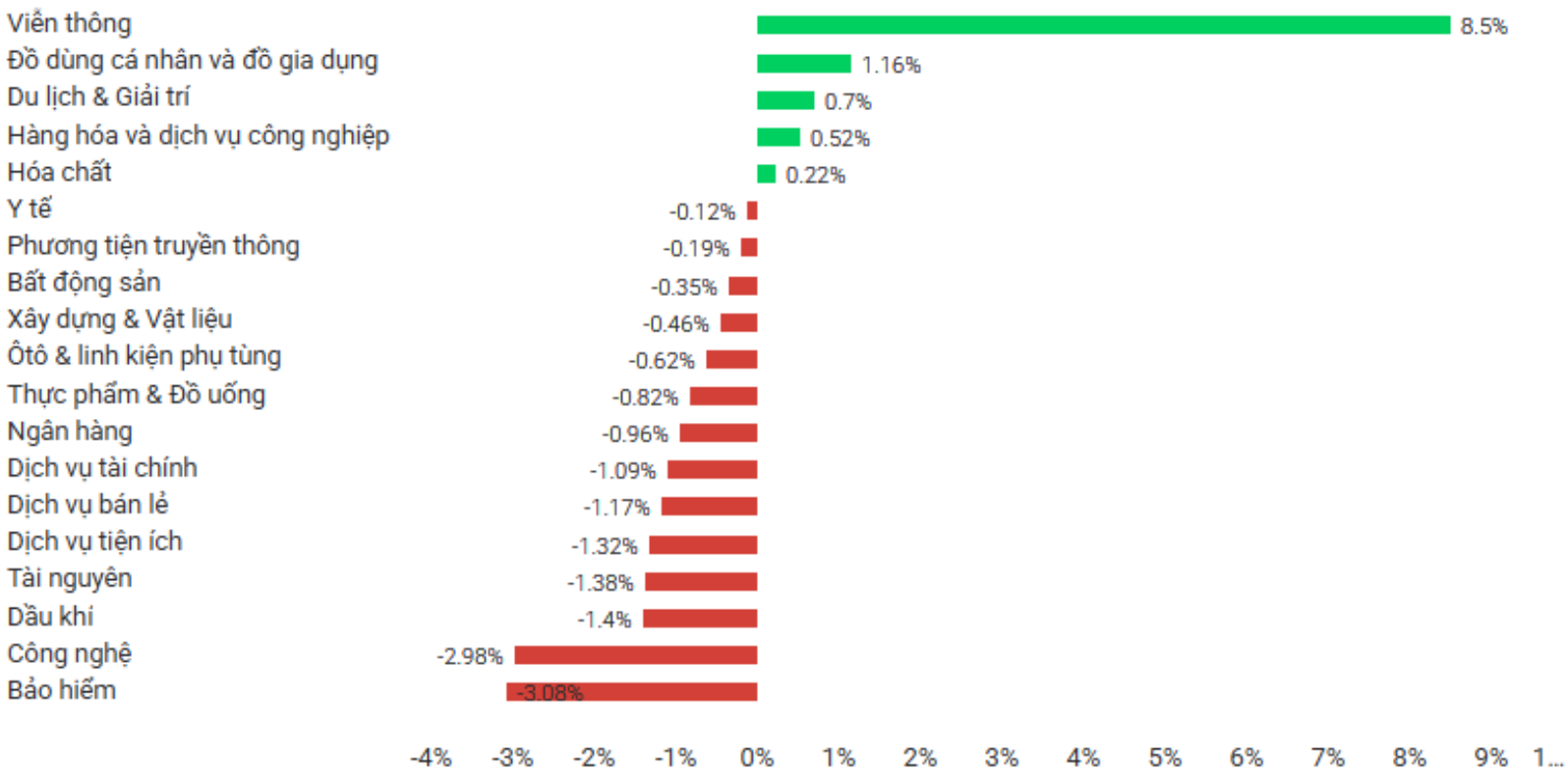
PNJ: Nhóm nhà đầu tư VinaCapital trở thành cổ đông lớn tại PNJ

- Nhóm quỹ thuộc VinaCapital đã mua thêm 445.100 cổ phiếu của PNJ trong phiên 20/3/2026, nâng tổng sở hữu lên hơn 17,2 triệu cổ phiếu, tương đương 5,0422% vốn và chính thức trở thành cổ đông lớn. Giao dịch chủ yếu do hai quỹ thành viên thực hiện, trong khi các quỹ còn lại đã nắm giữ sẵn lượng lớn cổ phần. Song song, PNJ dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên vào 22/4/2026 và thông qua kế hoạch tăng vốn cho công ty con PNJP lên 1.000 tỷ đồng từ lợi nhuận giữ lại nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh

PVT: PVTrans thận trọng đặt mục tiêu lợi nhuận 1.200 tỷ đồng năm 2026

- PVT đặt mục tiêu năm 2026 đạt doanh thu khoảng 16.500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.200 tỷ đồng, giảm gần 10% so với năm 2025 dù doanh thu tăng nhẹ. Doanh nghiệp dự kiến chi 3.445 tỷ đồng để đầu tư tối đa 5 tàu mới trong tổng kế hoạch vốn gần 3.858 tỷ đồng nhằm mở rộng hoạt động vận tải trong nước và quốc tế. PVTrans cũng lên kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 5.169 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và duy trì mức cổ tức năm 2026 khoảng 10%.

Tăng/ giảm ngành trong phiên



Top cổ phiếu tăng giảm trong phiên

| Mã CK | Giá    | Thay đổi     | Giá trị (Tỷ đồng) | Mã CK | Giá    | Thay đổi       | Giá trị (Tỷ đồng) |
|-------|--------|--------------|-------------------|-------|--------|----------------|-------------------|
| VTP   | 95.10  | 6.20 (6.97%) | 80.14             | PAC   | 26.50  | -1.50 (-5.36%) | 52.47             |
| PIT   | 8.02   | 0.52 (6.93%) | 0.06              | BVH   | 81.50  | -4.40 (-5.12%) | 66.33             |
| DCM   | 48.60  | 3.15 (6.93%) | 374.05            | PNJ   | 106.00 | -5.00 (-4.50%) | 241.30            |
| BFC   | 57.20  | 3.70 (6.92%) | 25.12             | DGC   | 52.30  | -2.40 (-4.39%) | 265.97            |
| VVS   | 133.80 | 8.40 (6.70%) | 41.58             | APG   | 5.58   | -0.25 (-4.29%) | 5.00              |



Công bố chỉ số quản lý thu mua (PMI) – Việt Nam – 02/04/2026.

- Chỉ số PMI do các tổ chức khảo sát công bố là thước đo quan trọng phản ánh sức khỏe của lĩnh vực sản xuất, thông qua các yếu tố như đơn hàng mới, việc làm và kỳ vọng kinh doanh. PMI trên 50 điểm cho thấy hoạt động sản xuất mở rộng, trong khi dưới 50 điểm phản ánh sự thu hẹp. Dữ liệu PMI thường có tác động đáng kể đến tâm lý thị trường và kỳ vọng tăng trưởng kinh tế, qua đó ảnh hưởng đến diễn biến của thị trường chứng khoán.

Công bố số liệu kinh tế Việt Nam tháng 3 – 06/04/2026.

- Bộ số liệu kinh tế vĩ mô tháng 3 là thước đo quan trọng phản ánh bức tranh tổng thể của nền kinh tế, bao gồm các chỉ tiêu như sản xuất công nghiệp, bán lẻ, xuất nhập khẩu và lạm phát. Những dữ liệu này giúp đánh giá mức độ phục hồi và động lực tăng trưởng trong ngắn hạn, đồng thời cung cấp cơ sở cho việc dự báo xu hướng kinh tế vĩ mô. Thông tin công bố thường tác động mạnh đến kỳ vọng của nhà đầu tư, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến diễn biến của thị trường chứng khoán.

Đánh giá phân loại thị trường FTSE Russell – Việt Nam- 07/04/2026.

- Tổ chức FTSE Russell sẽ tiến hành đánh giá định kỳ việc phân loại thị trường chứng khoán Việt Nam. Sự kiện này nhằm xem xét khả năng nâng hạng hoặc duy trì phân loại hiện tại của thị trường dựa trên các tiêu chí về khả năng tiếp cận của nhà đầu tư nước ngoài, thanh khoản và khung pháp lý. Kết quả đánh giá thường được giới đầu tư theo dõi chặt chẽ do có thể ảnh hưởng đến kỳ vọng dòng vốn quốc tế và tâm lý thị trường trong trung và dài hạn.

Báo cáo việc làm JOLTs – Mỹ – 31/03/2026.

- Báo cáo JOLTs (Job Openings and Labor Turnover Survey) do Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ công bố là chỉ báo quan trọng phản ánh nhu cầu lao động thông qua số lượng vị trí tuyển dụng, tỷ lệ nghỉ việc và sa thải. Dữ liệu này giúp đánh giá sức khỏe thị trường lao động và mức độ thắt chặt của nền kinh tế Mỹ. Diễn biến của JOLTs có ảnh hưởng lớn đến kỳ vọng chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, từ đó tác động tới thị trường tài chính toàn cầu.

Lịch chốt quyền doanh nghiệp

| STT | Mã CK | Sàn   | Ngày GDKHQ | Ngày TH  | Nội dung sự kiện                                |
|-----|-------|-------|------------|----------|-------------------------------------------------|
| 1   | PTM   | UPCoM | 09/03/26   |          | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm     |
| 2   | ISH   | UPCoM | 09/03/26   | 27/03/26 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    |
| 3   | DNC   | HNX   | 09/03/26   | 01/04/26 | Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP  |
| 4   | VCK   | HOSE  | 10/03/26   |          | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:60                   |
| 5   | KTS   | HNX   | 11/03/26   | 02/04/26 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP      |
| 6   | TLG   | HOSE  | 12/03/26   | 31/03/26 | Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 2,500 đồng/CP  |
| 7   | HDG   | HOSE  | 12/03/26   | 25/03/26 | Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 500 đồng/CP    |
| 8   | CHP   | HOSE  | 13/03/26   | 30/03/26 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    |
| 9   | IDV   | HNX   | 13/03/26   |          | Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15 |
| 10  | THG   | HOSE  | 16/03/26   | 10/04/26 | Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  |
| 11  | COM   | HOSE  | 16/03/26   | 02/04/26 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    |
| 12  | ACE   | UPCoM | 17/03/26   | 29/05/26 | Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  |
| 13  | ABT   | HOSE  | 17/03/26   | 16/04/26 | Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 3,000 đồng/CP  |
| 14  | KHS   | HNX   | 17/03/26   | 30/03/26 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    |
| 15  | TLT   | UPCoM | 18/03/26   |          | Hoán đổi cổ phiếu Công ty cổ phần Viglacera     |
| 16  | LAF   | HOSE  | 18/03/26   | 17/04/26 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP    |
| 17  | VNL   | HOSE  | 18/03/26   | 10/04/26 | Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 800 đồng/CP    |
| 18  | VIH   | UPCoM | 18/03/26   |          | Hoán đổi cổ phiếu Công ty cổ phần Viglacera     |
| 19  | CMF   | UPCoM | 19/03/26   | 11/05/26 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 5,000 đồng/CP    |
| 20  | GEE   | HOSE  | 19/03/26   | 08/04/26 | Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 2,500 đồng/CP  |
| 21  | HGM   | HNX   | 19/03/26   | 09/04/26 | Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 8,800 đồng/CP  |
| 22  | PPP   | HNX   | 19/03/26   | 22/04/26 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP    |
| 23  | STP   | HNX   | 19/03/26   | 20/05/26 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 800 đồng/CP      |
| 24  | SDC   | HNX   | 19/03/26   | 20/04/26 | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP      |
| 25  | VTC   | HNX   | 20/03/26   | 10/04/26 | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP      |
| 26  | PDN   | HOSE  | 20/03/26   | 06/04/26 | Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP  |
| 27  | DP3   | HNX   | 20/03/26   | 29/06/26 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 4,000 đồng/CP    |
| 28  | ADC   | HNX   | 20/03/26   | 11/05/26 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP    |
| 29  | HJS   | HNX   | 24/03/26   | 03/04/26 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 800 đồng/CP      |
| 30  | VFG   | HOSE  | 25/03/26   | 16/04/26 | Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  |



### Trung tâm Phân tích và Đầu tư

**Nguyễn Văn Thanh**

Phụ trách khối Phân tích & Đầu tư

Email: thanhnv@apsc.vn

### Phân tích cơ bản

**Nguyễn Kim Dung**

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

### Chiến lược giao dịch

**Nguyễn Văn Thiệu**

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

### **Quan điểm phân tích**

Đơn vị phân tích chỉ căn cứ vào những tài liệu, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức... thu thập được trên thị trường chứng khoán để làm căn cứ tính toán và đưa ra mức định giá. Thông tin sử dụng trong báo cáo này được chúng tôi thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác.

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

### **Khuyến nghị**

**CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

**CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

**TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

**CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



## **Tuyên bố trách nhiệm**

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

## **Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha**

### **Hội sở chính**

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P. Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, P. Gia Viên,  
TP. Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

### **Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

### **Chi nhánh Thanh Hoá**

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, P. Hạc Thành,  
tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009